TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG ANA** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST Ngày 27 tháng 5 năm 2020 V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thế Chiến.

2. Bà Bùi Thị Thiềm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Bảo Thụy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhất - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2020 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020, quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11/5/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị Mỹ L, sinh năm 1984 (Có mặt).

Trú tại: thôn A, xã B, huyện K, tỉnh Đăk Lăk

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn P, sinh năm 1976 (Vắng mặt).

Nơi ĐKTT: thôn A, xã B, huyện K, tỉnh Đăk Lăk

Chỗ ở hiện nay: thôn X, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/01/2020 và trong quá trình tham gia tố tụng tại tòa án nguyên đơn bà Ngô Thị Mỹ L trình bày:

Bà kết hôn với ông Trần Văn P do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 08/01/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sinh sống hòa thuận khoản 07 năm sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, ông P có tính gia trưởng, thường xuyên uống rượu, chửi bới xúc phạm gia đình và đánh đập bà nhiều lần. Vợ chồng đã sống ly thân thời gian đến nay được 02 năm, không còn quan tâm đến nhau nữa, không còn tình

cảm thương yêu nhau, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Trần Văn P.

Về con chung: Bà và ông P có 02 con chung là Trần Quang V, sinh ngày 21/10/2007 và Trần Thị Mỹ D, sinh ngày 28/7/2012. Khi ly hôn bà xin nuôi cả hai con chung và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng bà không nợ ai khoản nợ nào.

Bị đơn: ông Trần Văn P đã được thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc nên không tiến hành lấy được lời khai của ông P.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, về thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi thông báo thụ lý vụ án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56; 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

+ Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Ngô Thị Mỹ L, cho bà L được ly hôn với ông Trần Văn P.

+ Về con chung: Bà L và ông P có 02 con chung: Trần Quang V, sinh ngày 21/10/2007 và Trần Thị Mỹ D, sinh ngày 28/7/2012. Quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên, trên cơ sở xem xét nguyện vọng của con chưa thành niên và tình hình thực tế của các đương sự. Cần giao cả hai con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà L không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

- Về nợ: Bà L xác định vợ chồng bà không có nợ chung, nên không đề cập giải quyết.

+ Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Ngô Thị Mỹ L có đơn khởi kiện xin ly hôn ông Trần Văn P và xin nuôi con, nên HĐXX xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con". Bị đơn ông Trần Văn P đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, hiện đang cư trú tại thôn X, xã D, huyện K, tỉnh Đăk Lăk. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đăk Lăk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn ông Trần Văn P, nhưng ông P không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai và hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Ông P đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Ngô Thị Mỹ L và ông Trần Văn P đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 08/01/2007, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được khoảng thời gian 07 năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, ông P có tính gia trưởng, đánh đập vợ con, sự việc xảy ra nhiều lần làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, không thể hàn gắn được, hai người đã sống ly thân thời gian khoảng 02 năm, nay bà L yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho bà được ly hôn với ông P.

Qua kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy, bà L và ông P có hộ khẩu tại thôn A, xã B, huyện K. Quá trình chung sống giữa ông bà thường xảy ra mâu thuẫn, xô xát đánh đập nhau, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hòa hợp, hai người đã sống ly thân được 02 năm. Ông P về sống với mẹ đẻ tại xã D, huyện K.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế trong quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông P đã xảy ra mâu thuẫn ở mức độ trầm trọng và kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, việc kéo dài tình trạng hôn nhân sẽ không đem lại kết quả tốt cho các bên. Từ những nhận định trên, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L, cho bà L được ly hôn với ông P là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- *Về con chung*: Bà L và ông P có 02 con chung là Trần Quang V, sinh ngày 21/10/2007 và Trần Thị Mỹ D, sinh ngày 28/7/2012. Khi ly hôn bà xin nuôi cả hai con chung, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Hiện các con chung đang ở với bà L, các cháu cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Xét yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp và có căn cứ pháp luật. Cần giao cả hai con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà L không yêu cầu nên không giải quyết.

Ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung:* Nguyên đơn bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ:* Bà L xác định không có nợ chung nên không đề cập.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Ngô Thị Mỹ L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Ngô Thị Mỹ L.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Ngô Thị Mỹ L và ông Trần Văn P.

2.Về con chung: Giao các con chung Trần Quang V, sinh ngày 21/10/2007 và Trần Thị Mỹ D, sinh ngày 28/7/2012 cho bà Ngô Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà L không yêu cầu nên không giải quyết.

Ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở việc thực hiện quyền này.

3.Về án phí: Bà Ngô Thị Mỹ L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000^{đ} (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, biên lai số 3702 ngày 14 tháng 01 năm 2020.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đình Tuyên